

ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 12/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO

Thời gian: 07h00 * Ngày thi: 21/12/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
1	28208105564	Huỳnh Thị Vân	Anh	24/09/2004	Đà Nẵng	31TSC12	8.7	6.5	Đạt	
2	28208006728	Lê Thị	Anh	14/05/2004	Quảng Trị	31TSC12	8.0	6.3	Đạt	
3	28207230884	Phạm Trần Ngọc	Ánh	03/04/2004	Bình Định	31CYC7	9.7	8.8	Đạt	
4	28214603301	Trần Nguyệt	Ánh	14/09/2004	Quảng Trị	31CYC8	9.3	5.0	Đạt	
5	27215445596	Trương Công	Bản	02/12/2002	Quảng Nam	31CYC8	8.0	7.5	Đạt	
6	28212301206	Đoàn Văn	Bằng	21/07/2004	Lâm Đồng	31CYC8	0.0	0.0	Không Đạt	
7	28211145153	Thái Hoàng	Bảo	19/07/2004	Gia Lai	31TSC12	8.0	6.8	Đạt	
8	27217101741	Nguyễn Phúc Sơn	Ca	20/08/2003	Đắk Lắk	31CYC7	9.0	5.0	Đạt	
9	28216602284	Huỳnh Kim Bảo	Đạt	23/03/2004	Quảng Nam	31CYC8	7.3	9.0	Đạt	
10	28208135643	Đặng Thị	Diễm	26/10/2004	Quảng Nam	31CYC7	9.3	5.5	Đạt	
11	28218004024	Trần Quang	Diệp	01/04/2004	Quảng Nam	31TSC12	9.3	6.8	Đạt	
12	28209305565	Nguyễn Võ Phương	Dung	12/10/2004	Đà Nẵng	31TSC12	9.3	5.8	Đạt	
13	28208101754	Phạm Thị Thùy	Dương	13/07/2004	Quảng Nam	31CYC7	9.0	5.1	Đạt	
14	27213728635	Trần Quý	Dương	29/03/2003	Đắk Lắk	30CHT9	5.3	4.3	Không Đạt	
15	28206501876	Huỳnh Thị Ly	Duyên	23/07/2004	Đà Nẵng	31CYC7	9.3	5.3	Đạt	
16	28206542514	Trần Thị Thu	Hà	04/05/2004	Đà Nẵng	31CYC7	6.3	5.1	Đạt	
17	27218227851	Võ Hoàng	Hà	20/10/2003	Quảng Ngãi	31CYC8	9.0	5.0	Đạt	
18	28205202792	Ngô Lê Nhật	Hạ	14/06/2004	Quảng Trị	31CYC8	7.3	5.0	Đạt	
19	28218000369	Phạm Ngọc	Hào	25/02/2004	Quảng Ngãi	31TSC12	5.3	3.6	Không Đạt	
20	28217749263	Nguyễn Văn	Hậu	02/01/2004	Quảng Nam	31SYC5	5.3	5.0	Đạt	
21	28214625489	Nguyễn Lê	Hiệt	16/08/2004	Đà Nẵng	31CYC8	7.0	6.3	Đạt	
22	26217142328	Hoàng Minh	Hiếu	27/06/2002	Quảng Bình	31TBN11	5.7	5.4	Đạt	
23	29214956914	Trần Ngọc	Hiếu	04/10/2005	Kon Tum	31CHT6	8.7	6.0	Đạt	
24	28211334779	Nguyễn Thái	Hòa	23/04/2004	Quảng Bình	31TBN11	7.0	5.0	Đạt	
25	28204652697	Nguyễn Thị Thu	Hồng	21/01/2004	Đà Nẵng	31CYC8	9.3	8.8	Đạt	
26	29208162418	Nguyễn Võ Bích	Hợp	21/04/2005	Gia Lai	31TSC12	0.0	0.0	Không Đạt	
27	28207101979	Nguyễn Ngọc Lan	Hương	04/12/2004	Khánh Hòa	31CYC7	0.0	0.0	Không Đạt	
28	28204901994	Phan Phương	Huyền	19/07/2004	Quảng Bình	31CYC8	8.0	9.3	Đạt	
29	28204506636	Trần Thị Khánh	Huyền	06/03/2004	Bình Định	31TSC12	8.7	5.5	Đạt	
30	27214720590	Đặng Nam	Khánh	14/05/2003	Quảng Nam	31CYC7	6.7	7.0	Đạt	
31	28214603971	Ngô Phạm Quốc	Khánh	02/09/2004	Quảng Nam	31SSC5	8.3	3.8	Không Đạt	
32	28208151419	Vì Thị	Kiên	29/12/2004	Lâm Đồng	31CYC8	8.3	6.5	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	28214300922	Phan Thanh	Kiệt	14/12/2004	Quảng Nam	31TSC12	6.3	4.0	Không Đạt	
34	28209505252	Nguyễn Thị	Lắm	09/03/2004	Đà Nẵng	31CYC8	9.0	7.8	Đạt	
35	28207104461	Trần Thị	Lanh	25/12/2004	Phú Yên	31CYC7	8.3	3.5	Không Đạt	
36	27202941771	Lê Thị	Liên	06/08/2003	Kon Tum	30TBN2	8.3	5.3	Đạt	
37	28206502144	Nguyễn Thị Khánh	Linh	01/08/2004	Quảng Bình	31CYC6	7.0	5.0	Đạt	
38	28218045425	Mai Hoàng	Lộc	31/03/2004	Quảng Nam	31TSC10	7.0	5.0	Đạt	
39	28204553309	Ngũ Lê Khánh	Ly	17/08/2004	Quảng Ngãi	31TSC12	9.7	6.0	Đạt	
40	28205205446	Nguyễn Ngọc Dạ	Ly	10/06/2004	Đà Nẵng	31CYC7	7.0	3.6	Không Đạt	
41	28204802586	Nguyễn Thị Bích	Ly	28/11/2004	Quảng Nam	31TSC12	9.7	7.5	Đạt	
42	28218100768	Huỳnh Nguyễn Khánh	Mai	08/10/2004	Quảng Nam	31CYC7	7.0	3.4	Không Đạt	
43	28204939470	Dương Hà	My	01/11/2004	Quảng Trị	31CYC8	6.3	5.5	Đạt	
44	28204651620	Võ Thị Diễm	My	17/04/2004	Quảng Nam	31CYC7	8.3	5.0	Đạt	
45	28202705204	Lê Thảo	Ngân	06/04/2004	Quảng Nam	31TSC12	8.3	5.0	Đạt	
46	28204103463	Trần Tích	Ngân	19/07/2001	Đà Nẵng	31CYC7	7.7	5.0	Đạt	
47	28208027475	Võ Trần Phúc	Ngân	28/07/2004	Đà Nẵng	31CYC7	8.7	4.1	Không Đạt	
48	28205203006	Ksor Nguyễn Bảo	Ngọc	09/10/2004	Gia Lai	31CYC7	9.3	5.0	Đạt	
49	28206929749	Võ Đăng Kim	Nguyên	26/11/2004	Đà Nẵng	31TSC12	9.7	5.5	Đạt	
50	28212302720	Nguyễn Đức	Nhật	17/09/2004	Quảng Bình	31CYC8	6.3	5.0	Đạt	
51	28204444682	Lê Thanh Uyên	Nhi	07/07/2004	Quảng Nam	31CYC8	0.0	0.0	Không Đạt	
52	30206553761	Lê Thị Uyên	Nhi	15/10/2006	Quảng Nam	31CHT6	6.0	5.0	Đạt	
53	28208027141	Phạm Hồng Thảo	Nhi	08/10/2004	Đồng Nai	31TSC12	0.0	0.0	Không Đạt	
54	28204650730	Phan Hoàng Hà	Nhi	08/11/2004	Quảng Bình	31TSC12	0.0	0.0	Không Đạt	
55	28204503365	Ngô Thị Quỳnh	Như	09/09/2004	Huế	31CYC8	9.0	5.8	Đạt	
56	28204651723	Đỗ Thị Tuyết	Nhung	22/09/2004	Quảng Trị	31TSC12	9.0	8.3	Đạt	
57	28204934447	Đặng Thị Kiều	Oanh	06/10/2004	Đà Nẵng	31CYC8	7.7	5.5	Đạt	
58	27212253748	Trương Mai	Oanh	22/10/2003	Quảng Trị	31TSC10	5.3	3.6	Không Đạt	
59	28212303458	Nguyễn Phạm Hoàng	Phát	10/12/2004	Quảng Nam	31CYC8	0.0	0.0	Không Đạt	
60	28206649046	Ya Ly	Phượng	20/04/2004	Kon Tum	31TYC6	8.7	2.9	Không Đạt	
61	28218045391	Lương Đức	Tài	08/11/2004	Đà Nẵng	31TSC12	8.7	8.0	Đạt	
62	28217706788	Nguyễn Minh	Tài	12/02/2004	Nghệ An	31SYC5	7.3	3.6	Không Đạt	
63	28215106406	Nguyễn Song	Tài	13/03/2004	Gia Lai	31TSC12	7.7	5.0	Đạt	
64	28204604395	Huỳnh Thị Hồng	Thắm	10/01/2004	Quảng Nam	31CYC8	9.0	5.5	Đạt	
65	28206252621	Nguyễn Vũ Anh	Thư	01/04/2004	Quảng Nam	31CYC8	5.7	5.0	Đạt	
66	28204301503	Đỗ Thị Thu	Thương	10/03/2004	Quảng Nam	31TSC12	8.3	5.0	Đạt	
67	28208152868	Nguyễn Thị Phương	Thúy	26/04/2004	Lâm Đồng	31CYC8	10.0	6.1	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
68	28208048257	Nguyễn Đỗ Ngọc	Trân	08/01/2004	Đà Nẵng	31CYC7	6.3	3.4	Không Đạt	
69	28204900254	Châu Ánh	Trang	29/11/2004	Quảng Bình	31CYC8	6.3	6.0	Đạt	
70	28204933869	Lê Thị	Trang	03/03/2004	Hà Tĩnh	31CYC8	0.0	0.0	Không Đạt	
71	28204354851	Phan Trần Linh	Trang	07/04/2004	Quảng Trị	31THT12	9.7	9.3	Đạt	
72	28206249629	Lê Kiều	Trinh	12/05/2004	Phú Yên	31TSC12	8.0	3.6	Không Đạt	
73	28206703639	Nguyễn Ngọc	Trinh	25/08/2004	Bình Định	31CYC7	5.7	5.0	Đạt	
74	28214948209	Thái Tuấn	Tú	05/11/2004	Đà Nẵng	31TSC12	10.0	8.0	Đạt	
75	28208004370	Nguyễn Lưu Thu	Vân	04/02/2004	Phú Yên	31TSC12	8.7	5.5	Đạt	
76	28206604295	Lưu Khánh	Vy	15/12/2004	Đà Nẵng	31TYC6	5.0	3.5	Không Đạt	
77	28204951880	Trương Thị Kiều	Vy	01/09/2004	Quảng Nam	31CYC8	6.0	5.0	Đạt	
78	27202100300	Đoàn Thị Mỹ	Yến	10/05/2003	Đắk Lắk	30TYC10	6.0	0.0	Không Đạt	
79	28206750515	Nguyễn Ngọc Hải	Yến	20/11/2004	Bình Định	31TSC12	10.0	5.3	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh